TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 166/2025/DS-ST
Ngày 06/6/2025
Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Phương;

2. Bà Lâm Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*:

Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06tháng 62025tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 254/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025XXST-DS ngày 08/4/2025 Quyết định hoãn phiên tòa số 442025 ngày 08/5/2025giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: 2 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S: Ông Thân Lê N - là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 16/01/2024); xin vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1979; địa chỉ: số B N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/11/2012, bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu

nhập của bà H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.793.646 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 52.001.350 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 11/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tại thời điểm này là 16.568.197 đồng sang quá hạn, làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.225%/tháng (= lãi suất trong hạn 2.15%/tháng x 150%) (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 06/06/2025, Bà H còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 16.568.197 đồng và lãi quá hạn: 41.659.929 đồng; tổng cộng: 58.228.126 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm hai mươi sáu đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ. Tuy nhiên, bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 06/06/2025 là 58.228126 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 16.568.197 đồng và lãi quá hạn: 41.659.929 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A thì bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1979 có hộ khẩu thường trú tại B đường N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn chưa đảm bảo thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền khoản thẻ tín dụng tính đến ngày 06/06/2025 là 58.228126 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc 16.568.197 đồng và lãi quá hạn 41.659.929 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc H về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bà H hiện đang cư trú tại Quận A. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tống đạt, triệu tập hợp lệ bà H: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà H vắng mặt không lý do.

Ngày 26/11/2024, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bà H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/11/2012. Căn cứ thu nhập của bà H1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.00 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhận.

Theo đó việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Do đó, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã giao dịch tổng số tiền 48.793.646 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 52.001.350 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Sau đó, bà H đã không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng nên ngày 11/01/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà H sang nợ quá hạn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn"*, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 16.568.197 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S quy định: "*Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm*

theo Hợp đồng… Khi vi phạm xảy ra, chủ thể hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: tạm ngưng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ, áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của S1….". Và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật''* và tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 cũng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng N1 có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này".*

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày 06/6/2025 là 41.659.929 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi là 58.228126 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm hai mươi sáu đồng).

Bà H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 07/6/2025 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

Xét về quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền gốc là lãi tạm tính đến ngày 06/6/2025 là 58.228.126 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm hai mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 16.568.197 đồng (mười sáu triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn một trăm chín mươi bảy đồng) và lãi quá hạn: 41.659.929 đồng (bốn mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn chín trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày 07/6/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 23/11/2012.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu là 2.911.406 đồng (hai triệu chín trăm mười một nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng).

H2 lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.228.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0034383 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Loan